

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số:22/2023/HS-ST
Ngày 14- 6 - 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Sáu

Bà Phùng Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký TAND thị xã Bỉm Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:16/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HS ngày 31/5/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân H; sinh ngày: 10/02/1995; Sinh tại huyện T, TP. H; Nơi cư trú: Xóm 3, thôn V, xã V, huyện T, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Buôn bán hải sản; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Xuân K; Con bà: Nguyễn Thị L; Vợ: Lê Thị Bích H; Con: Có 02 con. Con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: 02 tiền án; Ngày 31/8/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thành phố Thái Nguyên xử 21 tháng án tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra ngày 04/4/2020. Thời gian thử thách kể từ ngày 31/8/2020; Ngày 30/11/2020, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội xử 07 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra ngày 03/4/2020. Chấp hành xong án phạt tù ngày 26/09/2021; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2022 đến ngày 29/4/2022 được trả tự do. Sau đó, đến ngày 24/11/2022 bị khởi tố, bắt tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

*** Những người bị hại:**

1. Anh Trần Thành Đ, sinh năm 1996

Trú tại: Sơn Hải 2, xã P, huyện T, tỉnh N.

2. Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1991
Trú tại: Số 03/7/107 T, phường Trần Đ, thành phố N.
3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988
Nơi thường trú: An Lập, xã N, huyện T, tỉnh B.
Chỗ ở hiện nay: 80 Nguyễn Chí Thanh, Quận Đ, TP. Hà Nội.
4. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1967
Trú tại: tổ 9, khu phố 4, phường Trần H, thành phố H, tỉnh Q.
5. Anh Hoàng Chí N, sinh năm 1979
Trú tại: Số nhà 13, ngõ 495 đường N, thành phố H.
6. Chị Nguyễn Thị Thảo O, sinh năm 1984
Trú tại: Bích Nhôi 3, phường M, thị xã K, tỉnh H.
7. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975
Trú tại: Tổ 10, khu 2, phường Mông D, TP. C, tỉnh Q.
8. Anh Lê Văn M, sinh năm 1982
Trú tại: Tổ dân phố Cáo Đình 2, phường X, quận Bắc T, TP. H.
9. Anh Hồ Hữu C, sinh năm 1997
Trú tại: Thôn Khánh Nhơn 2, xã Nhơn Hải, huyện N, tỉnh N
10. Chị Nguyễn Hồng A sinh năm 1996
Trú tại: Số 5, Ngõ 61, Nguyễn Khiết, phường P, Quận H, TP. H.
11. Anh Tô Văn T, sinh năm 1970
Trú tại: Số nhà 07, ngách 276/12, Đại Từ, phường Đ, quận H, thành phố H.
12. Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1992
Trú tại: Số nhà 39/15 đường Nguyễn Khắc N, phường Trần N, thành phố B, tỉnh B.
13. Anh Trần Văn T, sinh năm 1983
Trú tại: Tổ 3, ấp 1, xã B, huyện C, thành phố Hồ C.
14. Chị Lê Thị Huyền C, sinh năm 1991
Trú tại: Số 95, ngõ 31, tổ 6, phường K, quận H, TP. H.
15. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976
Trú tại: Thôn Vạn Đôn, xã H, huyện T, tỉnh T.
16. Anh Huỳnh Thành H, sinh năm 1984

- Trú tại: Ấp Tân Phát, xã Đồi 61, huyện T, tỉnh Đ
17. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989
Trú tại: Khu An Nhân Đông, thị trấn T, huyện T, tỉnh H.
18. Chị Trần Thị T, sinh năm 1985
Trú tại: Xóm Thị Tứ, xã G, huyện G, tỉnh N.
19. Chị Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1982
Trú tại: Phòng 1116-N04, chung cư Ecohome, phường Đ, quận Bắc T, thành phố H.
20. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1989
Trú tại: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh N.
21. Chị Phạm Thị X, sinh năm 1992
Trú tại: Thôn Vĩnh Trị 2, xã H, Tp. T, tỉnh T.
22. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988
Trú tại: Khu phố 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh B.
23. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976
Trú tại: Cụm 6, Tam Hiệp, P, Tp. H.
24. Chị Đàm Thị Hồng N, sinh năm 1989
Trú tại: Khu 3, xã M, huyện Đ, tỉnh P.
25. Anh Mạc Thanh H, sinh năm 1985
Trú tại: Xóm Nà Lầu, xã T, huyện B, tỉnh B.
26. Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1988
Trú tại: SN 190 phố T, phường Đ, quận H, TP. H.
27. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997
Trú tại: P2408, CT1 tòa nhà Thăng Long City, phường Đ, phường Đ, quận N, Thành phố H.
28. Anh Phan Thành T, sinh năm 1994
Trú tại: SN 252 đường Trần Hưng Đạo, thôn 2, Thị trấn S, huyện S, tỉnh K.
29. Anh Nguyễn Chí Quang Đ, sinh năm 1994
Trú tại: SN 370 đường T, thôn 1, thị trấn S, huyện S, tỉnh K.
30. Chị Vũ Thùy L, sinh năm 1989
Trú tại: Tổ 16, phường N, TP. H, tỉnh H.

31. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1982

Trú tại: P1110- R1- Chung cư Gold Mark City- 136 Hồ Tùng Mậu, TP. Hà Nội.

32. Vũ Trinh T, sinh năm 1990

Trú tại: Khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh T.

(Chị Nguyễn Thị T có mặt, còn các bị hại khác vắng mặt).

*** Những người làm chứng:**

1/ Nguyễn Xuân C, sinh năm 1999

Trú tại: Xóm 3, thôn V, xã V, huyện T, H.

2/ Vũ Ngọc L, sinh năm 1983

Trú tại: Xã Tráng V, huyện Mê L, TP. H.

3/ Nguyễn Văn B, sinh năm 2001

Trú tại: Xã Đ, huyện T, Tỉnh P.

(Những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân H làm nghề buôn bán hải sản ở chợ Tam Hiệp, thuộc xã Tam Hiệp, huyện T, thành phố H. H bán hải sản bằng hai hình thức, bán trực tiếp cho khách đến mua tại cửa hàng và bán online (qua các trang facebook/Zalo cá nhân).

Cuối năm 2020, do cần tiền tiêu xài cá nhân, H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức đăng bán hàng hải sản trên facebook để lừa các khách hàng đặt mua hàng qua mạng. Để tránh bị phát hiện, H nghĩ tới việc phải dùng tài khoản Ngân hàng, chứng minh nhân dân của người khác và lập thêm facebook khác để thực hiện hành vi lừa đảo. H lên mạng mua một tài khoản ngân hàng Vietinbank số 103872268300, một thẻ ATM, một chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn B, sinh năm 2000, trú tại Suối Nai, xã Định Quả, huyện T, tỉnh P kèm theo một sim điện thoại và một tờ giấy ghi mật khẩu đăng nhập Internet Banking với giá 2.500.000đ. Sau đó, H tiếp tục lên mạng mua một sim điện thoại di động Viettel 0373992991 nhưng không đăng ký chính chủ tên mình để sử dụng vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi đăng nhập vào dịch vụ Banking Vietinbank, H phát hiện ngoài số tài khoản “103872268300” còn có thêm số “101868343341” cũng mang tên Nguyễn Văn B. H lập, sử dụng các tài khoản Facebook “Nguyễn Văn B”, “Bình Văn H” hoặc “Hải sản Nguyễn Văn B”... đăng kí bằng số điện thoại 0373992991 và một số tài khoản Zalo như “Tâm an”... Sau đó, H đăng hình ảnh các mặt hàng hải sản, các địa chỉ cơ sở mua bán mà H tự tải trên mạng lên trang cá nhân

và các nhóm mua bán hải sản trên mạng xã hội Facebook/Zalo với giá rẻ hơn giá thị trường để đánh vào lòng tham của người mua. Khi có người đặt hàng, H yêu cầu người mua chuyển tiền trước vào 01 trong 2 số tài khoản trên. Sau khi nhận được tiền H chặn liên lạc rồi nhanh chóng rút tiền để tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 10/03/2022, chị Vũ Trinh T đã nhắn tin vào Facebook “Nguyễn Văn B” của H để đặt mua 30kg cua Na-uy, H báo giá 240.000 đồng/1kg, thành tiền là 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng) và yêu cầu chị T chuyển tiền trước, hẹn ngày 13/03/2022 sẽ chuyển hàng về. Do tin tưởng vào các hình ảnh và những lời nói của H là thật nên ngày 12/3/2022, chị T đã chuyển 6.900.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietinbank số 103872268300 của Hùng, đồng thời, nói với H khi nhận hàng sẽ gửi nốt số tiền còn lại. Sau khi nhận được tiền của chị T, H nhanh chóng chặn Facebook, chặn số điện thoại của chị T và đi rút tiền về tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 26/4/2022, Nguyễn Xuân H đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã Bỉm Sơn đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định: Với cùng thủ đoạn, phương thức và hành vi lừa đảo tương tự như trên, Nguyễn Xuân H còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại tại các địa bàn khác nhau trong và ngoài tỉnh. Cụ thể:

1. Ngày 11/12/2020, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Trần Thành Đ số tiền 5.000.000đ;
2. Ngày 21/12/2020, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Thành Đ, số tiền 4.000.000đ;
3. Ngày 25/12/2020, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T số tiền bị 2.150.000đ;
4. Ngày 01/01/2021, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Phạm Văn T, số tiền 30.000.000đ;
5. Ngày 6/1/2021, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Hoàng Chí N số tiền 3.000.000đ;
6. Ngày 14/1/2021, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thảo O, số tiền 4.760.000đ;
7. Ngày 26/1/2021, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn T số tiền 5.400.000đ;
8. Ngày 03/02/2021, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Lê Văn M số tiền 4.520.000đ;
9. Ngày 14/02/2021, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Hồ Hữu C số tiền 1.100.000đ;
10. Ngày 15/2/2021, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Hồng A số tiền 1.500.000đ;
11. Ngày 21/02/2021, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Tô Văn T số tiền 13.000.000đ;

12. Ngày 12/11/2021, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Đỗ Thị D số tiền 3.408.000đ;
13. Ngày 21/12/2021, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Trần Văn T số tiền 4.000.000đ;
14. Ngày 06/01/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Lê Thị Huyền C, số tiền 2.000.000đ;
15. Ngày 28/1/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T số tiền 23.400.000đ;
16. Ngày 2/2/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Huỳnh Thành H số tiền 3.200.000đ;
17. Ngày 3/2/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị M số tiền 6.000.000đ;
18. Ngày 4/2/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Trần Thị T số tiền 5.000.000đ;
19. Ngày 04/02/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Như T số tiền 840.000đ;
20. Ngày 12/02/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Hoàng Thị H số tiền 4.351.000đ;
21. Ngày 15/2/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Phạm Thị X số tiền 13.875.000đ;
22. Ngày 18/02/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H, số tiền 10.350.000đ;
23. Ngày 19/2/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T số tiền 2.150.000đ;
24. Ngày 22/2/2022 và 23/2/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Đàm Thị Hồng N số tiền 2.000.000đ;
25. Ngày 28/02/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Mạc Thanh H số tiền 7.280.000đ;
26. Ngày 03/03/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 10.550.000đ;
27. Ngày 09/03/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn T số tiền 5.160.000đ;
28. Ngày 10/3/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Phan Thanh T số tiền 1.000.000đ;
29. Ngày 11/3/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Chí Quang Đ số tiền 2.150.000đ;

30. Ngày 12/3/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Vũ Thùy L số tiền 600.000đ;

31. Ngày 18/3/2022, H lừa đảo chiếm đoạt của chị Vũ Thị T số tiền 3.350.000đ;

* Tang vật, tài sản thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 (một) Iphone 11 Pro Max số IMEI: 353947100423735, bên trong lắp sim số 0913671995;

- 01(một) điện thoại Nokia 105 có số IMEI: 353846500246367, bên trong lắp sim số 0903407995;

- 01(một) điện thoại Samsung Galaxy Note 9 có số IMEI: 357174094633833, bên trong lắp sim số 0373992991.

Quá trình điều tra xác định: điện thoại Nokia 105 có số IMEI: 353846500246367, bên trong lắp sim số 0903407995 là tài sản của H, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho H (chị Lê Thị Bích H vợ của H nhận thay) là phù hợp.

Đối với 02 chiếc điện thoại (Iphone 11 Pro Max và Samsung Galaxy Note 9) chuyển nhập kho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn để chờ xử lý theo quy định pháp luật.

Chứng minh thư nhân dân và thẻ ATM mang tên Nguyễn Văn B do H đã vớt và không nhớ ở đâu nên không thu giữ được.

Qua xác minh chủ sở hữu số điện thoại Viettel 0373992991 là chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991, trú tại: thôn 8, xã Tam Hưng, T, H. Tuy nhiên, chị M không biết lý do vì sao số điện thoại trên lại được đăng ký đứng tên chị. Chị không sử dụng số điện thoại trên và không biết Nguyễn Xuân H là ai nên không có căn cứ để xử lý.

* Về bồi thường trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Nguyễn Xuân H đã tự nguyện bồi thường cho 04 bị hại tổng số tiền là 25.750.000 đồng. Cụ thể bồi thường cho chị Vũ Trinh T 7.000.000 đồng; cho anh Nguyễn Văn T số tiền 5.400.000 đồng; Hoàng Chí N số tiền 3.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị H số tiền 10.350.000 đồng.

- Có 08 bị hại không yêu cầu H phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt tổng cộng là 18.401.000 đồng. Gồm: chị Hoàng Thị H, số tiền 4.351.000 đồng; anh Trần Văn T, số tiền 4.000.000 đồng; anh Hồ Hữu C, số tiền 1.100.000 đồng; anh Nguyễn Chí Quang Đ, số tiền 2.150.000 đồng; chị Vũ Thùy L, số tiền 600.000 đồng; anh Phan Thanh T, số tiền 1.000.000 đồng; chị Đàm Thị Hồng N, số tiền 2.000.000 đồng; anh Huỳnh Thành H, số tiền 3.200.000 đồng.

- Còn lại 20 bị hại yêu cầu H phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt tổng cộng là 147.943.000 đồng nhưng đến nay H chưa bồi thường được.

Tại bản cáo trạng số:22/CT-VKSBS ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Xuân H về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 38 BLHS; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H từ 45 đến 50 tháng tù, cộng với 21(hai mươi một) tháng tù của bản án số 364/2020/HS-ST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Xuân H hiện nay không có công ăn việc làm ổn định, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS đối với bị cáo.

* Về vật chứng: Đề nghị căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

- 01 (một) Iphone 11 Pro Max số IMEI: 353947100423735, bên trong lắp sim số 0913671995;

- 01(một) điện thoại Samsung Galaxy Note 9 có số IMEI: 357174094633833, bên trong lắp sim số 0373992991.

* Về bồi thường dân sự: Đề nghị căn cứ Điều 584, Điều 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Xuân H đã tự nguyện bồi thường cho 04 bị hại tổng số tiền là 25.750.000 đồng. Cụ thể bồi thường cho chị Vũ Trinh Tuyết 7.000.000 đồng, cho anh Nguyễn Văn T số tiền 5.400.000, cho anh Hoàng Chí N số tiền 3.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị H số tiền 10.350.000 đồng.

- Có 08 bị hại không yêu cầu H phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt tổng cộng là 18.401.000 đồng. Gồm: chị Hoàng Thị số tiền 4.351.000 đồng, anh Trần Văn T số tiền 4.000.000 đồng, anh Hồ Hữu C số tiền 1.100.000 đồng, anh Nguyễn Chí Quang Đ số tiền 2.150.000 đồng, chị Vũ Thùy Linh số tiền 600.000 đồng, anh Phan Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, chị Đàm Thị Hồng N số tiền 2.000.000 đồng, anh Huỳnh Thanh H số tiền 3.200.000 đồng.

- Còn lại 20 bị hại yêu cầu Hùng phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt tổng cộng là 147.943.000 đồng nhưng đến nay H chưa bồi thường được. Vì vậy, đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho 20 bị hại gồm: Anh Trần Thành Đ số tiền

5.000.000đ; anh Nguyễn Thành Đ, số tiền 4.000.000đ; chị Nguyễn Thị T số tiền bị 2.150.000đ; anh Phạm Văn T, số tiền 30.000.000đ; chị Nguyễn Thị Thảo O số tiền 4.760.000đ; anh Lê Văn M số tiền 4.520.000đ; chị Nguyễn Hồng A số tiền 1.500.000đ; anh Tô Văn T số tiền 13.000.000đ; chị Đỗ Thị D số tiền 3.408.000đ; chị Lê Thị Huyền C, số tiền 2.000.000đ; chị Nguyễn Thị T số tiền 23.400.000đ; chị Nguyễn Thị M số tiền 6.000.000đ; chị Trần Thị T số tiền 5.000.000đ; chị Nguyễn Thị Như T số tiền 840.000đ; chị Phạm Thị X số tiền 13.875.000đ; chị Nguyễn Thị T số tiền 2.150.000đ; anh Mạc Thanh H số tiền 7.280.000đ; chị Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 10.550.000đ; anh Nguyễn Văn T số tiền 5.160.000đ; chị Vũ Thị T số tiền 3.350.000đ.

- Về án phí HSST: Đề nghị tuyên buộc bị cáo Nguyễn Xuân H phải nộp án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, bị cáo và bị hại;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa có mặt bị hại chị Nguyễn Thị T, còn những bị hại khác và những người làm chứng đều vắng mặt. Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa. Hồ sơ vụ án thể hiện lời khai của người bị hại, người làm chứng đầy đủ, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng thời gian từ giữa tháng 12 năm 2020 đến tháng 3 năm 2022, Nguyễn Xuân H đã thông qua mạng xã hội (Facebook, Zalo) dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của 32 bị hại ở các tỉnh thành khác nhau trên phạm vi cả nước (là những khách hàng đặt mua hải sản của H) với tổng số tiền chiếm đoạt là 191.994.000đ. Số tiền chiếm đoạt được bị cáo

đã dùng để tiêu xài cá nhân. Đến nay, mới bồi thường được 25.750.000 đồng cho 04 bị hại và có 8 bị hại không yêu cầu bồi thường tổng số tiền là 18.401.000đ. Số tiền còn lại bị cáo chưa bồi thường, khắc phục hậu quả.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân H đã đủ yếu tố cấu thành tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định xử lý tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần, trong đó có 05 lần số tiền chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng nhưng do đang có tiền án về hành vi chiếm đoạt nên cả 05 lần này cũng đều cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đó là "Phạm tội 02 lần trở lên". Ngoài ra, bị cáo phạm tội khi đang có 02 tiền án (phạm tội cùng thời điểm, 02 bản án này không phải là tiền án của nhau) nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hùng đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại và đầu thú. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án có tích chất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân mình nhưng vì háms lợi và để tránh bị phát hiện bị cáo đã dùng tài khoản ngân hàng và chứng minh nhân dân của người khác và lập thêm facebook của người khác để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản trái phép của người khác bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì lòng tham tư lợi mà bị cáo cố ý thực hiện. Hơn nữa, bị cáo có 02 tiền án về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục dần thân và con đường phạm tội. Vì vậy, HĐXX nhận thấy cần xử lý nghiêm minh mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra truy tố, xét xử bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, tự nguyện khắc phục hậu quả cho một số bị hại, tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Vì vậy, căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án thật

nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Xuân H hiện nay không có công ăn việc làm ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: 01 ĐTDĐ Sam sung, mặt lưng màu hồng tím, bên trong có lắp sim, đã qua sử dụng, không chất lượng; 01 ĐTDĐ Iphone, mặt lưng màu vàng, bên trong có lắp sim, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng là công cụ dùng vào việc phạm tội vì vậy cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về bồi thường trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Nguyễn Xuân H đã tự nguyện bồi thường cho 04 bị hại tổng số tiền là 25.750.000 đồng (hai mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Cụ thể bồi thường cho chị Vũ Trinh Tuyết 7.000.000 đồng, cho anh Nguyễn Văn T số tiền 5.400.000, cho anh Hoàng Chí N số tiền 3.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị H số tiền 10.350.000 đồng nên miễn xét.

- Có 08 bị hại không yêu cầu H phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt tổng cộng là 18.401.000 đồng. Gồm: chị Hoàng Thị H số tiền 4.351.000 đồng, anh Trần Văn T số tiền 4.000.000 đồng, anh Hồ Hữu C số tiền 1.100.000 đồng, anh Nguyễn Chí Quang Đ số tiền 2.150.000 đồng, chị Vũ Thùy L số tiền 600.000 đồng, anh Phan Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, chị Đàm Thị Hồng N số tiền 2.000.000 đồng, anh Huỳnh Thanh H số tiền 3.200.000 đồng nên miễn xét.

- Còn lại 20 bị hại yêu cầu Hùng phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt tổng cộng là 147.943.000 đồng (một trăm, bốn bảy triệu, chín trăm, bốn ba nghìn đồng) nhưng đến nay H chưa bồi thường được. Vì vậy, căn cứ Điều 584, Điều 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc H phải bồi thường cho những bị hại sau:

Anh Trần Thành Đ số tiền 5.000.000đ; anh Nguyễn Thành Đ, số tiền 4.000.000đ; chị Nguyễn Thị T số tiền bị 2.150.000đ; anh Phạm Văn T, số tiền 30.000.000đ; chị Nguyễn Thị Thảo O số tiền 4.760.000đ; anh Lê Văn M số tiền 4.520.000đ; chị Nguyễn Hồng A số tiền 1.500.000đ; anh Tô Văn T số tiền 13.000.000đ; chị Đỗ Thị D số tiền 3.408.000đ; chị Lê Thị Huyền C, số tiền 2.000.000đ; chị Nguyễn Thị T số tiền 23.400.000đ; chị Nguyễn Thị M số tiền 6.000.000đ; chị Trần Thị T số tiền 5.000.000đ; chị Nguyễn Thị Như T số tiền 840.000đ; chị Phạm Thị X số tiền 13.875.000đ; chị Nguyễn Thị T số tiền 2.150.000đ; anh Mạc Thanh H số tiền 7.280.000đ; chị Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 10.550.000đ; anh Nguyễn Văn T số tiền 5.160.000đ;

[8] Những người có liên quan đến vụ án:

- Đối với Nguyễn Xuân C là em trai của bị cáo Nguyễn Xuân H. Lúc đầu, vì tình cảm gia đình, C đã nhận tội thay cho H. Tuy nhiên, đến ngày 16/10/2022, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, không đúng với sự thật khách quan, C và H đã chủ động đến Cơ quan điều tra Công an thị xã Bim Sơn để khai báo đúng với nội dung sự việc. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý Cường về hành vi che giấu tội phạm hoặc không tố giác tội phạm là phù hợp với quy định tại Điều 18, 19, 389 và 390 BLHS.

- Đối với Nguyễn Văn B, sinh năm 2000, trú tại xã Định Quả, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ là người mở tài khoản ngân hàng Vietinbank số “103872268300” và số “101868343341” đứng tên Bình, sau đó, bán qua mạng cho Nguyễn Xuân Hùng. Bình không biết Nguyễn Xuân H là ai và không biết mục đích H sử dụng tài khoản ngân hàng của mình để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với B. Đối với hành vi mua bán tài khoản ngân hàng của B, do chưa làm việc được với B, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra và xử lý sau nếu có căn cứ.

- Ngoài ra, qua xác minh, kiểm tra tài khoản của H thấy còn nhiều khoản giao dịch chuyển tiền vào tài khoản của Hùng nhưng có những giao dịch là khách hàng thật, có chuyển khoản và đã nhận được hàng (điển hình như chị Nguyễn Thị N ở Sơn La, chuyển 7.300.000 vào tài khoản 101868343341) hoặc có những giao dịch Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và làm việc nhưng không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với H.

* Về án phí HSST: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 7.397.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: - Điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 48, Điều 50, Điều 56, Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 584, Điều 585, 586, 589, Bộ luật Dân sự;

* Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân Hùng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

* Xử phạt: Nguyễn Xuân H 45(bốn mươi lăm) tháng tù, cộng với 21(hai mươi một) tháng tù của bản án số 364/2020/HS-ST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên. Tổng hợp hình phạt chung của 2 bản án buộc bị cáo H phải chấp hành 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành tính từ ngày 24/11/2022 được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày (26/4/2022) đến ngày (29/4/2022) là 03 ngày.

- Về vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 ĐTD Đ Sam sung, mặt lưng màu hồng tím, bên trong có lắp sim, đã qua sử dụng, không chất lượng.

+ 01 ĐTD Đ Iphone, mặt lưng màu vàng, bên trong có lắp sim, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

(Theo theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 25/5/2023 giữa Cơ quan Công an và Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn).

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân H phải bồi thường cho các bị hại:

1. Anh Trần Thành Đ số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).
2. Anh Nguyễn Thành Đ, số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
3. Chị Nguyễn Thị T số tiền bị 2.150.000đ (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng);
4. Anh Phạm Văn T, số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng);
5. Chị Nguyễn Thị Thảo O, số tiền 4.760.000đ (bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng);
6. Anh Lê Văn M số tiền 4.520.000đ (bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng);
7. Chị Nguyễn Hồng A số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng);
8. Anh Tô Văn T số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).
9. Chị Đỗ Thị D số tiền 3.408.000đ (ba triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng);
10. Chị Lê Thị Huyền C, số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng);
11. Chị Nguyễn Thị T số tiền 23.400.000đ (hai mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng);
12. Chị Nguyễn Thị M số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
13. Chị Trần Thị T số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);
14. Chị Nguyễn Thị Như T số tiền 840.000đ (tám trăm bốn mươi nghìn đồng);
15. Chị Phạm Thị X số tiền 13.875.000đ (mười ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);
16. Chị Nguyễn Thị T số tiền 2.150.000đ (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng);
17. Anh Mạc Thanh H số tiền 7.280.000đ (bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

18. Chị Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 10.550.000đ (mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

19. Anh Nguyễn Văn T số tiền 5.160.000đ (năm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng);

20. Chị Vũ Thị T số tiền 3.350.000đ (ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng);

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, các bị hại có đơn đề nghị Thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Xuân H không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi suất tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

* Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo buộc bị cáo Nguyễn Xuân H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.397.000đ (bảy triệu, ba trăm, chín mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo Nguyễn Xuân H, bị hại Nguyễn Thị T.

Bị cáo và bị hại chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(14/6/2023). Những bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Bỉm sơn;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Nhà tạm giữ, tạm giam công an Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
- CQĐT Công an thị xã Bỉm Sơn;
- CQ Thi hành án hình sự ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Phòng giám đốc án;
- Chi cục THA Dân sự TX Bỉm sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ

- *Lưu hồ sơ vụ án.*